

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07-3-2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Te.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bình Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị H**, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện G, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn B**, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: ấp K, xã B, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa, bà H, ông B vắng mặt (bà H, ông B có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Huỳnh Văn B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1981, đến năm 1996 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận kết hôn số 285, quyển số 01 ngày 16/8/1996. Bà và ông B chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2005 hai bên đã bất đồng quan điểm, không còn tình cảm, không còn tin tưởng nhau. Mâu thuẫn giữa bà và ông B ngày càng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc. Bà và ông B đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: trong quá trình chung sống, bà và ông B có 03 con chung là Huỳnh Kim Châu, sinh ngày 20/5/1982; Huỳnh Trúc Giang, sinh ngày 16/12/1984; Huỳnh Bảo Giang, sinh ngày 20/5/1987. Hiện đều đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến, ông Huỳnh Văn B trình bày:

Ông và bà Phạm Thị H tự nguyện chung sống, sau đó kết hôn với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 03 con chung là Huỳnh Kim Châu, sinh ngày 20/5/1982; Huỳnh Trúc Giang, sinh ngày 16/12/1984; Huỳnh Bảo Giang, sinh ngày 20/5/1987. Cách đây khoảng 15 năm thì giữa vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng vì các con nên ông và bà H đã không ly hôn. Tuy nhiên, ông và bà H đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay theo yêu cầu ly hôn của bà H thì ông đồng ý.

Về con chung: ông và bà H có 03 con chung như trên, hiện đều đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Do sức khoẻ kém, không thuận tiện đi lại nên ông yêu cầu Toà án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: bà Phạm Thị H, ông Huỳnh Văn B vắng mặt tại phiên Toà nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H và ông B.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: bà H và ông B chung sống trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/8/1996 nên quan hệ hôn nhân của ông, bà được coi là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà H và ông B đều thừa nhận trong quá trình chung sống, ông bà sống có hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau thời gian dài.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

Hội đồng xét xử xét thấy, thời điểm bà H và ông B còn chung sống thì giữa hai bên đã xảy ra những mâu thuẫn. Tuy nhiên, bà H và ông B không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc. Mặt khác, bà H và ông B đã sống ly thân với nhau thời gian dài, từ khi vợ chồng sống ly thân, ông bà không còn quan tâm chăm sóc nhau như vợ chồng, không có thời

gian đoàn tụ. Điều này chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của bà H và ông B đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông B cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông B.

[2.2] *Về con chung*: Bà H và ông B có 03 con chung là Huỳnh Kim Châu, sinh ngày 20/5/1982; Huỳnh Trúc Giang, sinh ngày 16/12/1984; Huỳnh Bảo Giang, sinh ngày 20/5/1987, hiện đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung*: Bà H và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[3] *Về án phí*: Bà H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H. Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Huỳnh Văn B.

2. *Về con chung*: bà Phạm Thị H và ông Huỳnh Văn B có 03 con chung là Huỳnh Kim Châu, sinh ngày 20/5/1982; Huỳnh Trúc Giang, sinh ngày 16/12/1984; Huỳnh Bảo Giang, sinh ngày 20/5/1987, hiện đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: bà Phạm Thị H và ông Huỳnh Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*: bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng bà H thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hoà;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Đang

